

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **38** /2018/HNGĐ-ST

Ngày 06/02/2018

V/v “*Tranh chấp về quan hệ hôn nhân
về con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Minh Tân - Cán bộ hưu trí

2. Bà Lê Thị Thảo - Cán bộ hưu trí

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2017/HNGĐ-ST, ngày 19/10/2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 15/01/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thu Tr, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 03, ngách 106, ngõ 141 đường T, tổ 14, phường N, thành phố T, tỉnh Q.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 180, Phan Chu Trinh, Phường Ph, thành phố H, tỉnh H.

Tạm trú, nơi ở: Số nhà 03, ngách 106, ngõ 141 đường T, tổ 14, phường N, thành phố T, tỉnh Q.

Chị Phạm Thu Tr, anh Nguyễn Văn Đ có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Phạm Thu Tr trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ sau một thời gian quen biết, tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 30/9/2013 tại UBND phường Nông T, thành phố T, tỉnh Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm ăn sinh sống long đong lận đận lúc sống tại T, sau đó chị lại theo anh chuyển vào sinh sống tại thành phố H để mong xây dựng hạnh phúc gia đình, phụ giúp chồng trong công việc. Nhưng không được anh Đ công việc làm ăn phá sản tự bỏ nhà đi đâu làm gì chị không biết, khi về vợ chồng ở gần nhau thì anh luôn nhậu nhẹt say rượu và buồn chán, không chịu khó làm ăn. Đến năm 2015 chị đã bỏ nhà chồng để về tỉnh Q sinh sống. Đến năm 2016 anh Đức ra tỉnh Q sinh sống cùng chị nhưng tính cách vẫn không thay đổi gì, cuộc sống vợ chồng thường xuyên không hoà hợp, anh Đ thường xuyên uống rượu chè thâu đêm, vợ chồng cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ba năm nay không còn cùng nhau chia sẻ buổi vui, không cùng nhau nuôi dạy con cái, không cùng nhau vun vén kinh tế gia đình. Anh Đ đi làm ăn xa không thăm hỏi, chu cấp cho con. Vợ chồng ly thân kéo dài, không thể tiếp tục yêu thương vun đắp gia đình. Từ tháng 7 năm 2017 chị đã bỏ nhà bố mẹ đẻ để thuê nhà ra ở riêng và cũng là trụ sở chị thuê để mở công ty riêng. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được bố mẹ hoà giải nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục cùng nhau chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 26/4/2013, ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Anh Đ công việc nay đây mai đó không thể nuôi con được. Hiện tại con cũng đang ở với chị, chị trực tiếp chăm sóc nuôi nấng con từ bé đến bây giờ. Chị thấy mình có đủ khả năng để nuôi con thu nhập của chị tháng cao điểm còn được 25.885.000đ tháng thấp nhất cũng được 12.500.000đ/ 1 tháng chị lại có ông bà ngoại ở gần.

Chị yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng cho đến khi Bảo A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị và anh Đ không vay ai hay cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị Tr sau một thời gian tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự

nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 30/9/2013 tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm ăn sinh sống long đong lận đận lúc sống tại tỉnh Q, sau đó anh chị lại chuyển vào sinh sống tại thành phố H khi ở với bên nội thì bên nội nuôi, khi ở với bên ngoại nuôi lúc đó vợ chồng không có công ăn việc làm. Do năm 2013 anh làm ăn thua lỗ nên sinh ra buồn chán đã tự bỏ nhà đi hơn nửa bản tính của anh là rất thích ăn nhậu cho nên anh đã đánh mất tình cảm của chị Tr, vợ chồng anh không thể bàn bạc cùng nhau làm ăn kinh tế mà mỗi người mỗi chí hướng, mỗi công việc khác nhau kinh tế của ai làm được thì người đó giữ. Nhưng đến năm 2016 anh đã ra tỉnh Q sinh sống cùng với vợ con nhưng anh và chị Tr không hoà hợp được về mọi mặt. Từ tháng 7 năm 2017 chị Tr đã bỏ nhà bố mẹ đẻ ra thuê nhà ở tổ 14, phường TQ, thành phố T để ở và làm trụ sở công ty cũng từ đó vợ chồng sống ly thân. Thi thoảng anh về nhà ông bà ngoại ở phường NT để ở và đón con gái về chăm sóc vài ngày rồi anh lại đi làm công trình. Anh và chị Tr không trao đổi hay chia sẻ được gì, anh thì muốn đoàn tụ nhưng chị Tr cương quyết ly hôn.

Anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị Tr đồng ý để sau khi ly hôn anh được quyền nuôi con thì anh thuận tình ly hôn với chị Tr còn nếu chị Tr đòi nuôi con thì anh không đồng ý ly hôn. Tại phiên toà hôm nay chị Tr xin được ly hôn anh thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Tr có 01 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 26/4/2013, ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Chị Tr không đủ khả năng kinh tế bằng anh để nuôi con. Hơn nữa sau này anh muốn thừa kế lại tài sản cho con gái nên anh xin được nuôi con, chứ thâm tâm anh vẫn biết con ở với mẹ và được mẹ chăm vẫn tốt hơn. Anh có thể thu xếp công việc để về tỉnh Q thuê nhà ở và nuôi con. Hiện nay anh đang làm 03 công trình ở Hải Phòng, Thái Nguyên và Bắc Ninh anh làm chủ nên có thể chăm sóc con tốt.

Nếu Toà án giao cho chị Tr nuôi con anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ / 1 tháng (trong đó anh có khoản thu nhập ổn định từ việc cho thuê nhà ở trong H là 8.000.000đ/ 1 tháng và tiền anh làm các công trình) thu nhập của anh bình quân hơn 10.000.000đ/ 1 tháng. Nếu Toà án giao con cho anh nuôi anh không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của chị Tr: Chị chỉ yêu cầu anh Đ cấp dưỡng hàng tháng để nuôi con là 2.000.000đ/ 1 tháng vì tiền thuê nhà là của bố mẹ anh Đ giữ.

Về tài sản chung: anh và chị Tr không có tài sản chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: anh và chị Tr không vay ai hay cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thu Tr vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, chị đề nghị được nuôi con chung là cháu Nguyễn Bảo A yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ, việc cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ tháng 02/2018. Hiện chị đang làm cho công ty cổ phần HAMATTAN Việt Nam và giữ chức vụ là Giám đốc thu nhập của chị tháng cao điểm còn được 25.885.000đ tháng thấp nhất cũng được 12.500.000đ chị có đủ điều kiện để nuôi con. Về tài sản chung và vay nợ chung chị và anh Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Văn Đ giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, anh không nhất trí ly hôn với chị Tr và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Tr được nuôi con thì anh nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000đ/tháng kể từ tháng 02/2018 cho đến khi con chung trưởng thành. Về tài sản chung và vay nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở phiên tòa đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận theo đơn xin ly hôn của chị Trang xử cho chị Trang được ly hôn với anh Đức, xử giao con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 26/4/2013 cho chị Phạm Thu Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tr, mỗi tháng là 2.000.000đ phương thức định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 02/2018 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản và vay nợ chị Tr và anh Đ, không có, không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thu Tr yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

* Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thu Tr và anh Nguyễn Văn Đ tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30/9/2013 thì đăng ký kết hôn tại UBND phường NT, thành phố T, tỉnh Q. Như vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Tr và anh Đ đều cho rằng anh chị sống với nhau thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong công việc làm ăn lẫn cách sống anh Đ là người thích ăn nhậu, công việc làm ăn thua lỗ nên anh buồn chán và bỏ nhà đi, cho nên tết năm 2015 chị Tr đã mang theo con ra tỉnh Q sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ của chị Tr. Đến đầu năm 2016 anh Đ cũng ra tỉnh Q sinh sống và xin đoàn tụ gia đình anh chị đã về chung sống với nhau từ đầu năm 2016 nhưng anh Đ vẫn tính cách như cũ nên vợ chồng không hoà hợp, kinh tế của ai làm thì người đó giữ vợ chồng không cùng nhau tạo dựng được tài sản gì. Từ tháng 7 năm 2017 chị Tr đã bỏ nhà bố mẹ đẻ mang theo con để đi thuê nhà ra ở riêng cũng từ đó anh chị lại sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian anh chị sống ly thân anh chị không quan tâm gì đến nhau, anh Đ thi thoảng về nhà bố mẹ đẻ chị Tr để ở và đón con gái về chơi vài ngày rồi anh lại đi làm công trình xa.

Nay chị Tr xác định vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Anh Đ xác định vợ chồng đã sống ly thân từ lâu nhưng anh vẫn còn tình cảm vợ chồng anh không đồng ý ly hôn.

Xét thấy chị Tr cương quyết ly hôn. Về quan hệ hôn nhân của chị Tr anh Đ vợ chồng sống xa nhau đã nhiều năm anh Đ cũng thừa nhận do làm ăn thua lỗ anh tự ý bỏ nhà đi, khi chị Trang mang theo con vào H sinh sống cùng anh nhưng anh lại lên núi làm thi thoảng mới về nhà với chị Tr, bản tính của anh là người rất thích ăn nhậu cho nên chị Tr không đồng ý, anh chị không hoà hợp trong ăn ở cho đến công việc làm ăn của cả hai, mỗi người mỗi chí hướng nhưng lại không tập trung kinh tế để xây dựng gia đình. Qua xác minh tại tổ 14, phường NT, thành phố T, tỉnh Q thể hiện anh Đ hay đi làm ăn xa ít có mặt tại địa phương thấy rằng chị Tr anh Đ ít gần gũi vợ chồng. Chị Tr đã thuê nhà ra ở riêng từ tháng 07/2017 vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của chị Tr là có căn cứ, vì vậy xử cho chị Phạm Thu Tr được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 26/4/2013. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Tr đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng, anh Đ cũng có yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Xác minh tại địa phương nơi chị Tr đang sinh sống thể hiện: Chị Tr sống tại nhà bố đẻ số nhà 03, ngách 106, ngõ 141, tổ 14, phường NT, thành phố T, tỉnh Q. Hiện chị Tr thuê nhà ở số nhà 115 đường Nguyễn Trãi, tổ 14, phường TQ, thành phố T, tỉnh Q để làm văn phòng làm việc và để ở. Thu nhập của chị Tr tháng cao điểm còn được 25.885.000đ tháng thấp nhất cũng được 12.500.000đ.

Xác minh tại địa phương nơi anh Đ đang sinh sống thể hiện: Anh Đ đang ở với bố mẹ đẻ của chị Tr công việc hay đi làm ăn xa không xác định được thu nhập. Tuy nhiên tại phiên tòa anh Đ cho biết anh có thu nhập bình quân hơn 10.000.000đ/ 1 tháng (trong đó khoản cố định từ việc cho thuê nhà ở H là 8.000.000đ/ 1 tháng và tiền làm các công trình) có đủ khả năng nuôi con.

HĐXX xét thấy chị Tr anh Đ đều có công việc, có thu nhập ổn định, cả hai đều có nguyện vọng nuôi con chung là Nguyễn Bảo A. Tuy nhiên chị Tr là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu từ bé đến bây giờ trong mọi hoàn cảnh chị đều chăm sóc nuôi dưỡng con, chị lại có bố mẹ đẻ ở gần. Anh Đ công việc thường xuyên làm nhiều công trình ở các tỉnh khác, lại chưa nơi ở ổn định. Cháu Bảo A còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy để đảm bảo về sự phát triển mọi mặt cho con sau khi bố mẹ ly hôn và cần phải có người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục HĐXX thấy cần giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 26/4/2013 cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc chị Tr đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. anh Đ tự nguyện cấp dưỡng 4.000.000đ/1 tháng. HĐXX thấy rằng về nhu cầu ăn học ngày càng cao, để đảm bảo nhu cầu tối thiểu cho việc nuôi con chung, cần thiết thì anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr. Về mức cấp dưỡng nuôi con do chị Tr yêu cầu mức cấp dưỡng 2.000.000đ / 1 tháng anh Đ nhất trí mức cấp dưỡng 4.000.000đ nhưng chị Tr chỉ yêu cầu anh Đ cấp dưỡng mức 2.000.000đ/1 tháng nên HĐXX buộc anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Bảo A cùng chị Tr là 2.000.000đ/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ tháng 02 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, chị Trang anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét

Về vay nợ: Chị Tr anh Đ không vay ai hay cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét

[3] Về án phí: Chị Phạm Thu Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Nguyễn Văn Đ phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28; Điều 39; 147; 220; 228; 266 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 51; 56; 81; 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thu Tr

1. Xử cho chị Phạm Thu Tr được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ

2. Về con chung: Xử giao con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 26/4/2013 cho chị Phạm Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Bảo A là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức thực hiện cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ tháng 02/2018. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí: Chị Phạm Thu Tr phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004894 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tiến Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Tr đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chị Phạm Thu Tr, anh Nguyễn Văn Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang(02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường Nông Tiến;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Lan

